TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 15 – LÂM ĐỒNG,** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: **26** /2025/DS-ST
Ngày 05 - 8 - 2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 15 – LÂM ĐỒNG, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Đình Phú.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Hoàng;

2. Bà Phan Thị Bích;

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Ngọc Trà My – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 15 – Lâm Đồng, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15 – Lâm Đồng, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Linh Đan – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 15 – Lâm Đồng, tỉnh Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 65/2025/TLST-DS, ngày 03 tháng 3 năm 2025, về tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2025/QĐXXST-DS, ngày 15 tháng 7 năm 2025, giữa:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP K.L, địa chỉ: Số 40 – 42 – 44 đường P.H.T, phường V.T.V, thành phố R.G tỉnh K.G (Nay là phường R.G, tỉnh A.G).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Cao Quân T, sinh năm: 2000 và ông Đặng Trường T, sinh năm: 1983, địa chỉ liên hệ: Ngân hàng TMCP K.L – Chi nhánh Bình Thuận, số 55 - 66 đường T.Đ.T, phường X.A, thành phố P.T, tỉnh B.T (Nay là xã H.T, tỉnh L.Đ).

- *Bị đơn:* Bà Trần Thị N, sinh năm: 1995 và ông Trần Văn H, sinh năm: 1991, cùng cư trú tại: Khu phố X, phường B.T, thị xã L.G, tỉnh B.T (Phường L.G, tỉnh L.Đ).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 31/12/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là Ngân hàng TMCP K.L, và người đại diện theo uỷ quyền trình bày:

Ngày 10/8/2020, ông Trần Văn H và bà Trần Thị N ký giao kết Hợp đồng tín dụng số 444/20/HĐTD/2500-9367 với Ngân hàng TMCP K.L để vay số tiền 01 tỷ đồng, mục đích vay là thanh toán tiền mua xe ô tô nhãn hiệu Ford Everest Titanium 2.0L AT 4x4, thời hạn vay là 84 tháng, lãi suất vay là 12%/năm, lãi suất được điều chỉnh 03 tháng/lần, lãi suất đối với tiền lãi chậm thanh toán là 10%/năm. Ngân hàng TMCP K.L đã giải ngân toàn bộ tiền vay và bên vay đã ký giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ cùng ngày 10/8/2020. Để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ đối với khoản vay, ông H và bà N thế chấp tài sản là xe ô tô Ford Everest Titanium 2.0L AT 4x4 mang biển kiểm soát số 86A-146.61.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bên vay là ông H và bà N phát sinh vi phạm nên căn cứ vào hợp đồng đã ký, Ngân hàng TMCP K.L đã chuyển toàn bộ khoản vay sang nợ quá hạn và thực hiện quyền yêu cầu thanh toán toàn bộ nghĩa vụ đối với bên vay. Để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, Ngân hàng TMCP K.L khởi kiện đề nghị Tòa án nhân thị xã La Gi (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 15 – Lâm Đồng) giải quyết buộc ông Trần Văn H và bà Trần Thị N phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP K.L số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm (Ngày 05/8/2025) là 1.037.615.332 đồng, trong đó nợ gốc là 685.600.000 đồng, tiền lãi trong hạn, tiền lãi quá hạn và tiền lãi của lãi chậm trả là 352.015.332 đồng, kể từ ngày tiếp theo của ngày 05/8/2025, ông H và bà N còn phải tiếp tục chịu tiền lãi theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký.

Hiện tại, tài sản thế chấp là xe ô tô Ford Everest Titanium 2.0L AT 4x4 mang biển kiểm soát số 86A-146.61 hiện Ngân hàng không xác định được hiện đang ở đâu, do ai quản lý, sử dụng nên Ngân hàng TMCP K.L không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với tài sản thế chấp.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn là ông Trần Văn H và bà Trần Thị N trình bày:

Ngày 10/8/2020, ông H, bà N có ký giao kết hợp đồng vay với Ngân hàng TMCP K.L để vay số tiền 01 tỷ đồng, mục đích vay là thanh toán tiền mua xe ô tô. Ban đầu, ông H, bà N trả lãi đầy đủ nhưng sau này do hoàn cảnh khó khăn nên không có khả năng trả lãi, do vậy đã vi phạm nghĩa vụ với ngân hàng. Ông H, bà N cho rằng khoản vay này là vay giùm cho cá nhân khác, việc thanh toán nợ gốc, nợ lãi do người đó thực hiện. Ông H, bà N thống nhất với xác định của Ngân hàng về dư nợ gốc còn lại chưa thanh toán, không có ý kiến về tính lãi trong hạn, lãi quá hạn và lãi của lãi chậm trả do Ngân hàng thực hiện, tuy nhiên đề nghị Ngân hàng TMCP K.L xem xét hoàn cảnh của bên vay, cho ông H, bà N trả nợ gốc, không trả lãi, không tiếp tục tính lãi đối với khoản vay.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15 – Lâm Đồng, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành thụ lý, tống đạt các văn bản tố tụng, tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đưa vụ án ra xét xử, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng khác đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, đủ căn cứ để xác định yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP K.L là có cơ sở để chấp nhận, do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15 – Lâm Đồng, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ngân hàng TMCP K.L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trần Thị N và ông Trần Văn H phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán phát sinh từ hợp đồng tín dụng nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là: "Tranh chấp hợp đồng tín tụng" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà Trần Thị N và ông Trần Văn H có nơi cư trú tại Khu phố X, phường B.T, thị xã L.G, tỉnh B.T (Nay là phường L.G, tỉnh L.Đ) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã La Gi (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 15 – Lâm Đồng) theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Theo Hợp đồng tín dụng số 444/20/HĐTD/2500-9367, ngày 10/8/2020, các bên đã thỏa thuận Ngân hàng TMCP K.L cho ông H và bà N vay số tiền 01 tỷ đồng, mục đích vay là thanh toán tiền mua xe ô tô nhãn hiệu Ford Everest Titanium 2.0L AT 4x4, thời hạn vay là 84 tháng, lãi suất vay là 12%/năm, lãi suất được điều chỉnh 03 tháng/lần, lãi suất đối với tiền lãi chậm thanh toán là 10%/năm. Ngân hàng TMCP K.L đã giải ngân toàn bộ tiền vay và bên vay đã ký giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ cùng ngày 10/8/2020.

[3] Quá trình thực hiện hợp đồng, ông H và bà N vi phạm nghĩa vụ của bên vay theo thỏa thuận, do vậy Ngân hàng TMCP K.L chuyển toàn bộ khoản vay sang nợ quá hạn để khởi kiện yêu cầu bà N, ông H phải thực hiện toàn bộ nghĩa vụ là phù hợp với khoản 11 Điều 2, khoản 1 Điều 21 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 06/2023/TT-NHNN, ngày 28 tháng 6 năm 2023 (Sau đây gọi là Thông tư số 39/2016/TT-NHNN). Việc áp dụng lãi suất trong hợp đồng là phù hợp với quy định tại Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN, phương pháp tính lãi phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư số 14/2017/TT-NHNN, ngày 29/9/2017 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước. Theo bảng kê lãi do Ngân hàng TMCP K.L nộp và trình bày tại phiên tòa, tính đến ngày xét xử sơ thẩm, số tiền mà bà N, ông H có nghĩa vụ thanh toán với Ngân hàng là 1.037.615.332 đồng, trong đó nợ gốc là 685.600.000 đồng, tiền lãi trong hạn, tiền lãi quá hạn và tiền lãi của lãi chậm trả tính đến ngày 05/8/2025 là 352.015.332 đồng. Ông H, bà N đồng ý với số dư nợ gốc, không có ý kiến về phương pháp tính lãi, số tiền lãi mà Ngân hàng TMCP K.L xác định.

[3] Từ những phân tích nêu trên cho thấy, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng

TMCP K.L là có căn cứ và cần được chấp nhận. Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên bà Trần Thị N và ông Trần Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm khoản 1 Điều 39, Điều 68, Điều 91, Điều 92, khoản 2 Điều 227, Điều 238, Điều 235, Điều 264, Điều 266, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2017.

- Điều 100, Điều 103 Luật Các tổ chức tín dụng;

- Khoản 11 Điều 2, Điều 13, khoản 1 Điều 21 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 06/2023/TT-NHNN, ngày 28 tháng 6 năm 2023

- Khoản 1 Điều 5 Thông tư số 14/2017/TT-NHNN, ngày 29/9/2017 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

- Điều 7, điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019, của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP K.L: Ông Trần Văn H và bà Trần Thị N phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP K.L số tiền là 1.037.615.332 đồng, trong đó nợ gốc là 685.600.000 đồng, tiền lãi trong hạn, tiền lãi quá hạn và tiền lãi của lãi chậm trả tính đến ngày 05/8/2025 là 352.015.332 đồng. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (Ngày 05/8/2025) cho đến khi thi hành án xong, ông

Trần Văn H và bà Trần Thị N còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Về án phí:

+ Ngân hàng TMCP K.L được nhận lại 20.200.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã La Gi (Nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 15 – Lâm Đồng), theo Biên lai thu số 0012196, ngày 18/02/2025.

+ Bà Trần Thị N và ông Trần Văn H phải chịu 43.128.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 05/8/2025).

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- Lưu: HS vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phan Đình Phú